

UBND XÃ : DIÊN KHÁNH
THÔN: ĐÔNG DINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CHI TRẢ HỖ TRỢ KHÁC PHỤC HẬU QUẢ MƯA LŨ

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
1	LÊ THỊ HỒNG NGUYỄN	Thôn Đông Dinh	3					
2	LÊ THỊ TÂM	Thôn Đông Dinh	8	8000000	1	500.000	8.500.000	x Lê Thị Tâm
3	NGUYỄN THỊ GAO	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	+ Cao
4	BÙI THỊ NGỌC YẾN	Thôn Đông Dinh	1	1000000	-	-	1000000	x Yến
5	NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG	Thôn Đông Dinh	2	2000000	-	-	2000000	- Phương
6	LÊ NHƯ LINH	Thôn Đông Dinh	4	4000000	-	-	4000000	- Linh
7	NGUYỄN ĐÌNH CƯỜNG	Thôn Đông Dinh	7	7.000.000	-	-	7.000.000	x Cường
8	TRẦN MINH HẢI	Thôn Đông Dinh	7	7.000.000	-	-	7.000.000	x Hải
9	PHAN THỤY NHƯ HOÀI	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	- Hoài
10	ĐẶNG VĂN COI	Thôn Đông Dinh	8-1	7.000.000	1	500.000	7.500.000	x Văn Côi
11	NGUYỄN LAY	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	- Lay
12	PHẠM THỊ NẠI	Thôn Đông Dinh	7	7.000.000	2	1.000.000	8.000.000	- Nại
13	LÊ MINH THẮNG	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	- Thắng
14	TRẦN DUY NHẤT	Thôn Đông Dinh	5	5000.000	1	500.000	5.500.000	- Nhất
15	NGUYỄN ĐĂNG SANG	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	- Sang
16	NGUYỄN THỊ LẬP XUÂN	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	- Xuân
17	NGÔ VĂN SƠN	Thôn Đông Dinh	4	4000000	2	+1000000	5000000	x Văn Sơn
18	NGUYỄN TẤN CƯỜNG	Thôn Đông Dinh	4	3.000.000	1	500.000	3.500.000	- Cường
19	KIỀU THỊ MINH LÝ	Thôn Đông Dinh	9-1	8000.000	1	500000	8500.000	- Lý

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
20	ĐẶNG THỊ MỸ HÀ	Thôn Đông Dinh	3	3000.000	02	1000.000	4000.000	Hà
21	TRẦN CHÁNH	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	1	500.000	5.500.000	Chánh
22	NGÔ THỊ KHÉ	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	Khé
23	LƯƠNG HÙNG TỰ	Thôn Đông Dinh	4	4000.000	01	500.000	4500.000	Tự
24	NGUYỄN PHƯỚC	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	Phước
25	NGUYỄN TRUNG HIẾU	Thôn Đông Dinh	7	7.000.000	2	1.000.000	8.000.000	Hiếu
26	ĐINH THANH NHÂN	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	Nhân
27	TRẦN KHÁC KHẢ	Thôn Đông Dinh	5	5000.000	-	-	5000.000	Khả
28	NGUYỄN THỊ TUYẾT NHUNG	Thôn Đông Dinh	2					
29	NGUYỄN TÂN QUÍ CHUNG	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	Chung
30	TRẦN CÔNG QUỐC	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	1	500.000	4.500.000	Quốc
31	NGUYỄN HẢI SƠN	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	Sơn
32	THÁI THỊ PHƯƠNG	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	Phương
33	LÝ THỊ NGỌC ÁNH	Thôn Đông Dinh	2-1	1.000.000	-	-	1.000.000	Ánh
34	NGUYỄN THỊ TRÚC MAI	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	Mai
35	NGUYỄN THỊ THANH	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	Thanh
36	NGUYỄN THỊ BĂNG TUYẾN	Thôn Đông Dinh	5	5000.000	-	-	5000.000	Tuyến
37	TRẦN THỊ XUÂN THẢO	Thôn Đông Dinh	1	1000.000	-	-	1.000.000	Thảo
38	HỒ HỮU KÍNH	Thôn Đông Dinh	2	2000.000	-	-	2000.000	Kính
39	THÁI MINH NHẬT TÂN	Thôn Đông Dinh	4	4000.000	1	500.000	4.500.000	Tân
40	TRẦN VĂN TÀI	Thôn Đông Dinh	3	3000.000	-	-	3.000.000	Tài
41	ĐINH THANH	Thôn Đông Dinh	3	3000.000	-	-	3000.000	Thanh
42	NGÔ HỮU HẠNH	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	Hạnh
43	NGUYỄN THANH	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	Thanh

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
44	LÊ THỊ LỆ KHÁNH	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000			1.000.000	
45	TRẦN VĂN THIÊN	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	
46	TRẦN KHÔI	Thôn Đông Dinh	11	1.1.000.000	3	1.500.000	12.500.000	
47	TRẦN TUẤN	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	
48	HỒ SỸ ANH	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	
49	NGUYỄN THỊ DUNG	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	
50	PHẠM HỮU THIÊN THỤ'	Thôn Đông Dinh	1					
51	BÙI SĨ	Thôn Đông Dinh	6	6.000.000	2	1.000.000	7.000.000	Si
52	ĐINH VĂN TÁM	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	Tam
53	ĐỖ THỊ NGÃ	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	01	500.000	5.500.000	Ngã
54	ĐINH THỊ NHÔNG	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	Bông
55	NGUYỄN VĂN HUỆ	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	Huệ
56	LÊ THỊ TIN	Thôn Đông Dinh	6	6.000.000	-	-	6.000.000	Tin
57	NGUYỄN TRỌNG KHOA	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	01	500.000	5.500.000	Khoa
58	NGUYỄN THỊ THUNG	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	Thung
59	LÊ THỊ THÙY CHÂU	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	Châu
60	LÊ HẢI	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	Hải
61	PHAN THỊ NGON	Thôn Đông Dinh	8	8.000.000	3	1.500.000	9.500.000	ngon
62	THÁI THỊ KIM NGUYỆT	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	Kim NGUYỆT
63	VÕ THỊ NGUYỆT	Thôn Đông Dinh	5-1	4.000.000	2	1.000.000	5.000.000	Nguyệt
64	TRẦN THỊ NGỌC NHUNG	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	Nhung
65	NGUYỄN VĂN THANH	Thôn Đông Dinh	8	8.000.000	1	500.000	8.500.000	Thanh
66	KIỀU CẦU	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	Cầu
67	HUỶNH THỊ HẠNH	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	-	-	5.000.000	Hạnh

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
68	TRẦN CHÈ	Thôn Đông Dinh	2	2000000	-	-	2000 000	- Chè
69	PHẠM THỊ CÁN	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	* Cán
70	TRỊNH THỊ CHIÊM	Thôn Đông Dinh	2	2000 000	-	-	2000 000	- Tân
71	TRƯƠNG THỊ HOA	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	* Hoa
72	TRỊNH CỬ	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	1	500.000	5.500.000	* Cử
73	NGUYỄN THANH NGUYÊN	Thôn Đông Dinh	4	4000 000	-	-	4000 000	Nguyên
74	NGUYỄN TẤN LỰC	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	* Lực
75	ĐOÀN THỊ THẢO	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	1	500.000	2.500.000	* Thảo
76	NGUYỄN MỤC	Thôn Đông Dinh	2	2000 000	-	-	2000 000	* Mục
77	TRẦN THỊ YẾN PHƯƠNG	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	* Yến
78	HỒ THỊ THẬT	Thôn Đông Dinh	2	2000 000	-	-	2000 000	- Thật
79	TRẦN THỊ HỒNG THÚY	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	Thúy
80	ĐÌNH TRỌNG NGHĨA	Thôn Đông Dinh	5	5000 000	-	-	5000 000	Trang
81	THÁI VĂN THIẾT	Thôn Đông Dinh	7	7000 000	1	500 000	7.500.000	Thiết
82	VÕ THỊ KHẢ	Thôn Đông Dinh	1	1000 000	-	-	1000 000	* Khả
83	BÙI THỊ NHIÊN	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	Niên
84	THÁI XUÂN NGHIÊM	Thôn Đông Dinh	4	4000 000	-	-	4000 000	Nghiêm
85	TRẦN THỊ NGÀ	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	Ngà
86	PHAN THỊ YẾN	Thôn Đông Dinh	5	5000 000	-	-	5000 000	* Yến
87	PHAN MƯỜI	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	* Mười
88	TRẦN PHI HOÀNG	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	* Hoàng
89	LÊ KHẮC QUỐC THÁI	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	-	-	5.000.000	* Thái
90	LÊ TRUNG TIẾN	Thôn Đông Dinh	4	4000 000	2	1.000.000	5.000.000	* Tiến
91	BÙI THỊ MAI	Thôn Đông Dinh	4	4 000 000	-	* -	4 000 000	* Mai

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
92	NGUYỄN ĐÌNH KHOA	Thôn Đông Dinh	9	9.000.000	4	2.000.000	11.000.000	x Khoa
93	PHAN THỊ HÓA	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	x Hóa
94	NGUYỄN ÂU	Thôn Đông Dinh	9	9.000.000	2	1.000.000	10.000.000	x Nguyễn Âu
95	NGUYỄN PHÚC NHUẬN	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	2	1.000.000	4.000.000	x Nhuận
96	NGUYỄN VĂN HÙNG	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	x Văn Hùng
97	HUỶNH THUẬN	Thôn Đông Dinh	8	8.500.000	1	500.000	9.000.000	x Thuận
98	NGUYỄN ÚC	Thôn Đông Dinh	2-1	1.000.000	-	-	1.000.000	x Úc
99	NGUYỄN TỪU	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	x Từu
100	NGUYỄN THỊ BÊ	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	-	-	5.000.000	x Thị Bê
101	NGUYỄN TỐT	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	1	500.000	5.500.000	x Nguyễn Tốt
102	BÙI THỊ BÂY	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	x Thị Bây
103	NGUYỄN VĂN THẠCH	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	-	-	5.000.000	x Thạch
104	NGUYỄN TÝ	Thôn Đông Dinh	7	7.000.000	1	500.000	7.500.000	x Tý
105	NGUYỄN HỮU HÒA	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	-	-	5.000.000	x Hữu Hòa
106	NGUYỄN THỊ BÍCH HÀNG	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	1	500.000	2.500.000	x Thị Bích Hàng
107	NGUYỄN THỊ HẬU	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	1	500.000	4.500.000	x Thị Hậu
108	TRẦN BÂY	Thôn Đông Dinh	6	6.000.000	2	1.000.000	7.000.000	x Trần Bây
109	ĐOÀN PHẢI	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	x Phải
110	PHAN THỊ PHƯƠNG	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	2	1.000.000	6.000.000	x Thị Phương
111	NGUYỄN XUÂN CHÍNH	Thôn Đông Dinh	7	7.000.000	2	1.000.000	8.000.000	x Xuân Chính
112	BÙI CUỐN	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	1	500.000	5.500.000	x Cuốn
113	NGUYỄN LÊ VŨ	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	1	500.000	4.500.000	x Lê Vũ
114	HUỶNH VŨ NHẬT QUANG	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	1	500.000	3.500.000	x Vũ Nhật Quang
115	NGUYỄN THỊ THU DUNG	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	-	-	5.000.000	x Thị Thu Dung

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
140	ĐINH HỮU DŨNG	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	
141	HỨA THỊ MỸ HAI	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	
142	LÊ PHÚC	Thôn Đông Dinh	3	3000 000	-	-	3000 000	
143	NGUYỄN VĂN KHÁNH	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	
144	LÊ THỊ THƯƠNG	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	
145	ĐẶNG THỊ XUÂN	Thôn Đông Dinh	2	2000.000	1	500.000	2.500.000	
146	TRẦN ĐÔNG	Thôn Đông Dinh	5-1	4000.000	1	500.000	4.500.000	
147	LÊ VIỆT DŨNG	Thôn Đông Dinh	1					
148	BÙI XUÂN THỌ	Thôn Đông Dinh	6	6.000.000	2	1.000.000	7.000.000	
149	NGÔ THỊ XỆT	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	1	500.000	4.500.000	
150	THÁI LONG THÀNH	Thôn Đông Dinh	2	2000000	-	-	2000 000	
151	TRẦN ANH TUẤN	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	1	500.000	4.500.000	
152	ĐOÀN THẠCH	Thôn Đông Dinh	6	6000000	2	1000000	7 000 000	
153	THÁI VĂN SANG	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	
154	BÙI THỊ BÍCH LIÊN	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	
155	LƯƠNG VĂN THẢO	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	1	500.000	5.500.000	
156	TRẦN ĐÌNH	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	
157	TRẦN THỊ KIM CHI	Thôn Đông Dinh	3	3000.000	-	-	3000.000	
158	NGUYỄN VĂN MỸ	Thôn Đông Dinh	6	6.000.000	1	500.000	6.500.000	
159	NGUYỄN THỊ VÀNG	Thôn Đông Dinh	4	4000 000	-	-	4000 000	
160	KIỀU THỊ NGŨN	Thôn Đông Dinh	8	8.000.000	2	1.000.000	9.000.000	
161	TRẦN KHÁC QUANG	Thôn Đông Dinh	4	4000 000	1	500 000	4500 000	
162	NGÔ VĂN THÔNG	Thôn Đông Dinh	7	7.000.000	1	500.000	7.500.000	
163	PHAN THỊ DUNG	Thôn Đông Dinh	3	3000 000	-	-	3000 000	

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
164	TRẦN THIẾT	Thôn Đông Dinh	5	5000 000	1	500 000	5500 000	Thiết
165	PHẠM THỊ NAM	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	1	500.000	5.500.000	Nam
166	PHẠM THỊ NGUYỆT	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000			1.000.000	Nguyệt
167	NGUYỄN XUÂN SÁNG	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	-	-	5.000.000	Sáng
168	LƯU NGỌC TUÂN	Thôn Đông Dinh	5	5000 000	2	1.000.000	6000 000	Tuân
169	HUỶNH VĂN SƠN	Thôn Đông Dinh	5	5000 000	-	-	5000 000	Sơn
170	LƯƠNG THỊ PHƯƠNG	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	Phu
171	PHAN VĂN SÂM	Thôn Đông Dinh	4	4000 000	-	-	4000 000	Sâm
172	PHAN CÔNG TOÀN	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	Toàn
173	ĐOÀN NHÂN	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	Nhan
174	NGUYỄN THỊ PHONG	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	1	500.000	5.500.000	Phong
175	LÊ VĂN DÂN	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	Dân
176	TRỊNH TRỌNG BÛU	Thôn Đông Dinh	2	2000 000	-	-	2000 000	Bưu
177	THÁI VĂN KIẾT	Thôn Đông Dinh	8	8000 000	-	-	8000000	Kiệt
178	TRỊNH THỊ MAI	Thôn Đông Dinh	1	1000.000	-	-	1000.000	Mai
179	VÕ THỊ HOA	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	Hoà
180	LÊ VĂN TRƯƠNG	Thôn Đông Dinh	6	6.000.000	2	1.000.000	7.000.000	Trương
181	PHAN THỊ ÁNH TUYẾT	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	Tuyết
182	TRẦN PHI HÙNG	Thôn Đông Dinh	4-2	2.000.000	-	-	2.000.000	Hùng
183	ĐẶNG BA	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2000.000	Ba
184	PHAN TÂN HỮU	Thôn Đông Dinh	6	6000000	2	1.000.000	7000 000	Hữu
185	KIỀU THANH SƠN	Thôn Đông Dinh	6	6.000.000	-	-	6.000.000	Hoà
186	ĐỖ THỊ THẠCH	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	2	1.000.000	6.000.000	Thạch
187	NGUYỄN VĂN ĐẠT	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	Đạt

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
188	PHAN NGỌC THÀNH	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	-	-	5.000.000	Thành
189	NGUYỄN THỊ NGỌC LIÊN	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	Liên
190	LÊ XUÂN	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	Xuân
191	LÊ THỊ NA	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	Na
192	GIANG KINH THẮNG	Thôn Đông Dinh	7	7.000.000	-	-	7.000.000	Thắng
193	THÁI THỊ THANH NGA	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	Nga
194	NGUYỄN VĂN HƯỜNG	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	Hường
195	LÊ THANH	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	Thanh
196	ĐỖ CHẠY	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	Chạy
197	LÊ VĂN LÊN	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	Len
198	NGUYỄN THANH HÙNG	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	Hùng
199	TRẦN VĂN ĐỨC	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	1	500.000	2.500.000	Đức
200	NGUYỄN ĐỨC HUY	Thôn Đông Dinh	8	8.000.000	2	1.000.000	9.000.000	Huy
201	NGUYỄN VĂN TIẾN	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	Tiến
202	NGUYỄN ANH TUẤN	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	Tuấn
203	ĐINH DŨNG	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	Dũng
204	ĐẶNG MINH	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	Minh
205	TRẦN CHUYÊN	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	Chuyên
206	PHAN LÃNH	Thôn Đông Dinh	6	6.000.000	02	1.000.000	7.000.000	Lãnh
207	MAI LANG	Thôn Đông Dinh	6	6.000.000	-	-	6.000.000	Lang
208	NGUYỄN THỊ GÁT	Thôn Đông Dinh	6	6.000.000	-	-	6.000.000	Gát
209	NGUYỄN THỊ NHÂN	Thôn Đông Dinh	6	6.000.000	-	-	6.000.000	Nhân
210	NGUYỄN BÌNH THÁI	Thôn Đông Dinh	1					
211	PHAN VĂN LIÊM	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	-	-	5.000.000	Liêm

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
212	TRẦN NGỌC QUỐC	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	
213	NGUYỄN THỊ THANH LOAN	Thôn Đông Dinh	3	3000.000	-	-	3.000.000	Loan
214	TRẦN THỊ HƯƠNG HUYỀN	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	
215	PHAN VĂN BÌNH	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	-	-	5.000.000	Phan Văn Bình
216	NGUYỄN THẾ PHƯƠNG	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	2	1.000.000	5.000.000	
217	NGUYỄN THỊ THUẬN	Thôn Đông Dinh	5	5000.000	01	500.000	5.500.000	
218	NGUYỄN CHÁNH	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	
219	NGUYỄN VĂN DŨNG	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	
220	NGUYỄN VĂN LỘC	Thôn Đông Dinh	7	7.000.000	2	1.000.000	8.000.000	
221	KIỀU QUANG MINH	Thôn Đông Dinh	2	2000.000	-	-	2000.000	Minh
222	LÊ THỊ THẢO	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	
223	NGUYỄN THIỆN	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	
224	TRẦN THỊ HỢT	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	
225	ĐÌNH THỊ ÁNH	Thôn Đông Dinh	2	2000.000	-	-	2000.000	
226	NGUYỄN THỊ NHÂN	Thôn Đông Dinh	5	5000.000	-	-	5000.000	
227	PHẠM THỊ Ý NHI	Thôn Đông Dinh	4-1	3.000.000	-	-	3.000.000	
228	LƯƠNG HAI	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	
229	NGUYỄN THỊ MINH HIẾU	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	
230	TRẦN NGỌC LINH	Thôn Đông Dinh	5	5000.000	01	500.000	5500.000	
231	TRẦN KHẮC HẢI	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	Hải
232	HUỶNH THỊ MÀU	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	
233	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	Thôn Đông Dinh	3	3000.000	-	-	3000.000	
234	BÙI THỊ THANH VÂN	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	
235	LÊ NGHĨA	Thôn Đông Dinh	4	4000.000	-	-	4000.000	

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
236	NGÔ VĂN CẨM	Thôn Đông Dinh	5-2	4.000.000	1	500.000	4.500.000	x <i>[Signature]</i>
237	NGUYỄN THỊ LANH	Thôn Đông Dinh	3-1	2000 000	-	-	2000 000	x <i>[Signature]</i>
238	LÊ MỘNG HOÀNG	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	x <i>[Signature]</i>
239	NGUYỄN DUY SƠN	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	x <i>[Signature]</i>
240	ĐOÀN VĂN TÂY	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	x <i>[Signature]</i>
241	LÊ KIM TRỌNG	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	x <i>[Signature]</i>
242	LÊ QUANG THÀNH	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	x <i>[Signature]</i>
243	NGUYỄN TRI PHƯƠNG	Thôn Đông Dinh	6	6.000.000	2	1.000.000	7.000.000	x <i>[Signature]</i>
244	NGUYỄN DƯƠNG HOANG NGÂU	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	1	500.000	2.500.000	x <i>[Signature]</i>
245	TRẦN THỊ NGỌC DUNG	Thôn Đông Dinh	2	2000 000	-	-	2000.000	x <i>[Signature]</i>
246	BÙI VĂN DŨNG	Thôn Đông Dinh	6	6000.000	1	500.000	6.500.000	x <i>[Signature]</i>
247	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	Thôn Đông Dinh	5-1	4.000.000	-	-	4.000.000	x <i>[Signature]</i>
248	NGUYỄN VĂN NGHĨA	Thôn Đông Dinh	3	3000 000	-	-	3000 000	x <i>[Signature]</i>
249	PHAN THỊ LOAN	Thôn Đông Dinh	4	4000 000	2	+1000 000	5000 000	x <i>[Signature]</i>
250	HUỲNH THỊ THU THỦY	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	x <i>[Signature]</i>
251	NGUYỄN TRUNG PHI	Thôn Đông Dinh	4	4000000	1	500.000	4500 000	x <i>[Signature]</i>
252	PHẠM THỊ LIÊN	Thôn Đông Dinh	5	5000 000	1	+ 500 000	5.500 000	x <i>[Signature]</i>
253	TRẦN THIÊN TRUNG	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	x <i>[Signature]</i>
254	NGUYỄN TIẾN	Thôn Đông Dinh	4	4000 000	-	-	4000 000	x <i>[Signature]</i>
255	NGÔ THANH PHONG	Thôn Đông Dinh	4	4000 000	-	-	4000 000	x <i>[Signature]</i>
256	LÊ CÔNG DANH	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	x <i>[Signature]</i>
257	NGUYỄN THÁI MINH CHÍNH	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	-	-	5.000.000	x <i>[Signature]</i>
258	LƯƠNG THỊ THANH THỦY	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	x <i>[Signature]</i>
259	LÊ THỊ CHƠN	Thôn Đông Dinh	3	3000 000	-	-	3000 000	x <i>[Signature]</i>

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
260	KIỀU VĂN TUYẾN	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	1	500.000	3.500.000	x
261	NGUYỄN BAN	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	x
262	TRẦN THANH BÛU	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	-	-	5.000.000	x
263	NGUYỄN THỊ NHI	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	x
264	TRẦN CHÁNH	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	-	-	5.000.000	x
265	TRẦN VĂN THANH	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	1	500.000	2.500.000	
266	NGUYỄN THỊ TRÙ	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	-	-	5.000.000	
267	NGUYỄN THỊ BẠN	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	x
268	HÀ DUY TỰ	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	x
269	TRẦN CHÍ TRUNG	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	
270	ĐẶNG THỊ BÂY	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	
271	TRẦN BÉP	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	x
272	LÊ ĐÌNH NGHĨA	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	2	1.000.000	6.000.000	x
273	ĐÌNH THỊ LINH THẢO	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	1	500.000	3.500.000	
274	NGUYỄN DUY TRƯỜNG	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	3	1.500.000	6.500.000	
275	NGUYỄN THỊ LIÊU	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	-	-	5.000.000	x
276	THÁI MINH DƯƠNG	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	2	1.000.000	6.000.000	x
277	NGÔ HOÀNG TRỌNG	Thôn Đông Dinh	1					
278	PHAN THỊ ANH	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	x
279	TRẦN THỊ NUÔI	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	01	500.000	4.500.000	x
280	LƯƠNG THANH NAM	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	x
281	LÊ TUẤN	Thôn Đông Dinh	1					
282	NGUYỄN VĂN VÀNG	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	
283	PHAN VĂN LÂM	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	x

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
284	NGUYỄN ĐỨC	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	1	500.000	4.500.000	*
285	ĐÌNH THỊ NGỌC LAN	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	lan
286	HUYỄN ĐỨC TRÍ	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	
287	TRƯƠNG VĂN ÂU	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	ÂU
288	KIỀU TỬ	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	*
289	NGUYỄN HÒA	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	
290	NGUYỄN LÊ CƯỜNG	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	1	500.000	4.500.000	
291	LÊ DŨNG	Thôn Đông Dinh	7	7.000.000	2	1.000.000	8.000.000	*
292	VÕ ĐẮC ÔN	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	1	500.000	4.500.000	*
293	NGUYỄN ĐẠT	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	1	500.000	4.500.000	* Đạt Đạt
294	LÊ CỬ ANH	Thôn Đông Dinh	6	6.000.000	-	-	6.000.000	
295	THÁI THỊ TUYẾT VÂN	Thôn Đông Dinh	7	7.000.000	1	500.000	7.500.000	
296	MAI THỊ KIM HUỆ	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	Huệ
297	LÊ TRUNG	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	*
298	BÙI VĂN HƯNG	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	*
299	PHAN THỊ ÚT	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	*
300	NGUYỄN THỊ HỒNG THÚY	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	1	1.000.000	4.000.000	*
301	PHẠM THỊ HẠNH	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	-	-	5.000.000	+
302	TRẦN THỊ NGỌC DIỄM	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	2	1.000.000	5.000.000	*
303	LÊ ĐÌNH GIAO	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	
304	PHAN THUY THANH HƯƠNG	Thôn Đông Dinh	3	2.000.000	-	-	2.000.000	
305	TRẦN VĂN CHỆT	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	
306	NGUYỄN THỊ CHỜ	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	*
307	NGUYỄN KHÁC TUẤN	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	*

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
332	TRẦN VĂN LINH	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	2	1.000.000	5.000.000	x Lưu
333	PHAN VĂN THẢO	Thôn Đông Dinh	6	6.000.000	-	-	6.000.000	Thảo
334	LÊ THỊ HƯƠNG	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	Hương
335	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	1	500.000	5.500.000	x Hương
336	NGUYỄN THANH THỊ HUYỀN BÍCH	Thôn Đông Dinh	2	-	-	-	-	-
337	NGUYỄN THỊ CÔNG KHANH	Thôn Đông Dinh	2	1.000.000	-	-	1.000.000	x Khanh
338	LÊ THỊ TÂN	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	Tân
339	TRẦN BÁ VIÊN	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	2	1.000.000	6.000.000	Viên
340	LÊ VĂN MINH	Thôn Đông Dinh	3-1	2.000.000	-	-	2.000.000	Minh
341	BÙI THỊ LAN PHƯƠNG	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	Phương
342	LÊ BÁ HÙNG	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	Hùng
343	NGUYỄN VĂN HỌC	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	1	500.000	3.500.000	x Học
344	TRẦN LỢM	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	1	500.000	4.500.000	Lôm
345	LÊ TRƯƠNG	Thôn Đông Dinh	7	7.000.000	1	500.000	7.500.000	Trương
346	LÊ THỊ LUÔN	Thôn Đông Dinh	6	6.000.000	2	1.000.000	7.000.000	Luôn
347	PHAN DƯ	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	Dư
348	THÁI NGÔ DUY THIÊN	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	x Thiên
349	BÙI XUÂN HUY	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	Huy
350	NGÔ THỊ CHIỀU	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	2	1.000.000	6.000.000	Chiều
351	LÊ RI	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	Ri
352	HUỖNH THỊ THU HỒNG	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	Hồng
353	KIỀU THANH BÌNH	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	Bình
354	TRẦN NGỌC TUẤN	Thôn Đông Dinh	6	6.000.000	1	500.000	6.500.000	x Tuấn
355	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	Tâm

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
356	NGUYỄN QUANG	Thôn Đông Dinh	4	4000000	-	-	4000 000	x <i>Quang</i>
357	NGUYỄN THIÊN	Thôn Đông Dinh	6	4500.000	1	500.000	4.500.000	<i>Thiên</i>
358	THÁI THỊ KIM HÀNG	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	<i>Hàng</i>
359	NGUYỄN ĐÀO	Thôn Đông Dinh	2	2000 000	-	-	2000 000	x <i>Đào</i>
360	KIỀU QUANG LINH	Thôn Đông Dinh	3	3000 000	-	-	3000 000	<i>Linh</i>
361	NGUYỄN ĐẠT	Thôn Đông Dinh	8	8000000	1	500.000	8500 000	x <i>Đạt</i>
362	NGUYỄN ĐỨC HOÀNG	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	<i>Đức</i>
363	NGUYỄN CHÂU	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	<i>Châu</i>
364	TRẦN THỊ THU HÀ	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	<i>Thu Hà</i>
365	TRẦN VĂN HẠNH	Thôn Đông Dinh	4	4.500.000	1	500.000	4.500.000	<i>Hạnh</i>
366	LÊ VĂN Ý	Thôn Đông Dinh	3	3.500.000	-	-	3.500.000	x <i>Gi Văn Ý</i>
367	TRẦN CÔNG DỰ	Thôn Đông Dinh	4(5)	5.000.000	-	-	5.000.000	<i>Công Dự</i>
368	TRẦN THỊ MỸ NHIỀU	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	<i>Mỹ Nhiều</i>
369	NGUYỄN TÂN TRÍ	Thôn Đông Dinh	4	4000 000	2	1000 000	5000 000	<i>Tân Trí</i>
370	NGÔ THỊ CHIẾN	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	* <i>Chiến</i>
371	NGUYỄN HỮU LỘC	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	<i>Hữu Lộc</i>
372	NGUYỄN TIÊN	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	-	-	5.000.000	<i>X.A Tiên</i>
373	NGUYỄN VĂN LỰC	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	<i>Văn Lực</i>
374	NGUYỄN ĐĂNG TRƯỜNG	Thôn Đông Dinh	5	5000 000	2	1000 000	6000 000	x <i>Trường</i>
375	LÊ TIẾN PHONG	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	<i>Tiến Phong</i>
376	NGUYỄN VĂN ĐẠT	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	1	500.000	5.500.000	x <i>Đạt</i>
377	LÊ HOÀNG TRÚC	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	<i>Hoàng Trúc</i>
378	TRẦN THỊ NGỌC THA	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	<i>Ngọc Tha</i>
379	TRẦN THỊ THU HƯƠNG	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	<i>Thu Hương</i>

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
380	THÁI XUÂN HÒA	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	X <u>Hòa</u>
381	PHAN DIỆU	Thôn Đông Dinh	5	5000 000	-	-	5000000	X <u>Diệu</u>
382	NGUYỄN QUANG MINH	Thôn Đông Dinh	4-1	3000 000	-	-	3.000.000	X <u>Minh</u> hộ đầu
383	NGUYỄN KIM TUYẾN	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	1	500 000	4.500.000	X <u>Tuyến</u>
384	LÊ THỊ XUÂN THÙY	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	2	1.000.000	6.000.000	X <u>Thùy</u>
385	TRẦN HOÀNG NAM	Thôn Đông Dinh	4	4000000	1	500 000	4.500.000	X <u>Nam</u>
386	NGUYỄN TRUNG HIỀN	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	X <u>Hiền</u>
387	LÊ TRỌNG DUY	Thôn Đông Dinh	3	3000 000	-	-	3000 000	X <u>Duy</u>
388	NGUYỄN THỊ ANH	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	2	1000.000	6.000.000	X <u>Anh</u>
389	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	Thôn Đông Dinh	7	7.000.000	-	-	7.000.000	X <u>Thùy Trang</u>
390	TRẦN HỮU VƯƠNG	Thôn Đông Dinh	4	4.000 000	-	-	4000000	X <u>Vương</u>
391	NGUYỄN THỊ GÁI	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	X <u>Gái</u>
392	PHẠM THỊ QUY	Thôn Đông Dinh	6	6000 000	-	-	6000 000	X <u>Quy</u>
393	TRẦN HUY HOÀNG	Thôn Đông Dinh	4	4000 000	-	-	4000 000	X <u>Hoàng</u>
394	NGUYỄN THẠM	Thôn Đông Dinh	1	1000 000	-	-	1000 000	X <u>Tham</u>
395	NGUYỄN KHÁNH VŨ	Thôn Đông Dinh	3	3000.000	-	-	3000.000	X <u>Vũ</u>
396	ĐỖ THỊ NGHĨA	Thôn Đông Dinh	4	4000000	1	500.000	4500 000	X <u>Nghĩa</u>
397	HUỶNH NGỌC PHÁT	Thôn Đông Dinh	4	4000000	-	-	4000 000	X <u>Phát</u>
398	MAI THỊ KIM PHƯƠNG	Thôn Đông Dinh	5	5000 000	1	+500000	5.500000	X <u>Phương</u>
399	NGUYỄN THỊ MINH HƯƠNG	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	X <u>Hương</u>
400	NGUYỄN NGỌC TRUYỀN	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	2	1.000.000	5.000.000	X <u>Truyền</u>
401	LÊ MINH TIẾN	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	2	1.000.000	5.000.000	X <u>Tiến</u>
402	LÊ VĂN TÙNG	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	X <u>Tùng</u>
403	HUỶNH TRẦN BIÊN	Thôn Đông Dinh	3	3000.000	-	-	3.000.000	X <u>Biên</u>

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
404	TRẦN TRỌNG NGHĨA	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	nglin
405	PHAN GIA ĐẠT	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	1	500.000	4.500.000	Đạt
406	HỒ THỊ BẠCH VÂN	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	* Vân
407	NGÔ THỊ MỸ HUYỀN	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	* Mỹ Huyền
408	ĐỖ THỊ LOAN	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	-	-	5.000.000	* Loan
409	NGUYỄN DUY QUỐC	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	Quốc
410	NGUYỄN THỊ THÚY HÒA	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	-	-	5.000.000	Thủy Hòa
411	LÊ VŨ PHƯƠNG	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	1	500.000	5.500.000	* Phương
412	LÂM THỊ NHÃN	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	1	500.000	4.500.000	* Nhã
413	NGUYỄN ĐÌNH KHÔI	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	* Đình Khôi
414	NGÔ THANH NHÂN	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	* Nhân
415	TRẦN HOÀNG	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	* Hoàng
416	TRẦN THANH BẢO	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	* Bảo
417	NGUYỄN CÔNG TUẤN	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	* Tuấn
418	TRẦN VĂN KHOA	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	* Khoa
419	THÁI MINH HOÀNG	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	* Minh Hoàng
420	NGUYỄN XUÂN PHƯƠNG	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	* Xuân Phương
421	NGUYỄN THÀNH HƯNG	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	* Thành Hưng
422	TRẦN TRUNG QUỐC	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	1	500.000	4.500.000	* Trung Quốc
423	PHẠM THỊ BÍCH NGÀ	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	* Bích Nga
424	HUỲNH THIỆN THANH DUY	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	* Thiện Thanh Duy
425	TRẦN DI	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	* Di
426	ĐOÀN HIẾU	Thôn Đông Dinh	8	8.000.000	-	-	8.000.000	* Hiếu
427	NGUYỄN THỊ ĐÔNG	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	* Đông

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
428	TRẦN THANH XUÂN	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	x <i>Xuan</i>
429	NGUYỄN NGỌC NINH	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	x <i>Ninh</i>
430	ĐINH THỊ NHẢNH	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	1	500.000	5.500.000	x <i>Nhánh</i>
431	KIỀU ĐỨC VINH	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	x <i>Vinh</i>
432	THÁI VĂN PHƯƠNG	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	1	500.000	4.500.000	x <i>Phương</i>
433	NGUYỄN THỊ NHẢ UYÊN	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	1	500.000	4.500.000	x <i>Uyên</i>
434	BÙI XUÂN VINH	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	2	1.000.000	5.000.000	x <i>Vinh</i>
435	NGUYỄN VĂN THUẬN	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	1	500.000	5.500.000	x <i>Thuận</i>
436	KIỀU HẢI	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	-	-	5.000.000	x <i>Hải</i>
437	LÊ KHẮC PHÚC THÁI	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	1	500.000	4.500.000	x <i>Thái</i>
438	THÁI VĂN XA	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	x <i>Xa</i>
439	NGUYỄN VĂN THÔNG	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	x <i>Thông</i>
440	NGUYỄN THỊ HỒNG PHƯƠNG	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	x <i>Phương</i>
441	TRƯƠNG VĂN THUẬN	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	x <i>Thuận</i>
442	ĐỖ NGỌC THƯƠNG	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	x <i>Thương</i>
443	PHAN VĂN THANH	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	1	500.000	3.500.000	x <i>Thanh</i>
444	NGUYỄN VĂN TOÀN	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	x <i>Toàn</i>
445	THÁI DUY HIẾU	Thôn Đông Dinh	4	4.500.000	1	500.000	5.000.000	x <i>Hiếu</i>
446	NGUYỄN ANH QUỐC	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	x <i>Quốc</i>
447	THÁI THỊ THANH THẢO	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	x <i>Thảo</i>
448	NGUYỄN VĂN DŨNG	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	2	1.000.000	5.000.000	x <i>Dũng</i>
449	NGUYỄN THỊ HUỆ	Thôn Đông Dinh	2	2.500.000	-	-	2.500.000	x <i>Huệ</i>
450	NGUYỄN ĐĂNG PHÚC	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	x <i>Phúc</i>
451	KIỀU XUÂN PHƯƠNG	Thôn Đông Dinh	4	3.000.000	-	-	3.000.000	x <i>Phương</i>

3.000.000

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
452	TRẦN THANH TÙNG	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	1	500.000	5.500.000	<i>Fuhuk</i>
453	TRẦN ANH VIỆT	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	<i>Việt</i>
454	PHAN TRẦN TÚ VÂN	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	1	500.000	5.500.000	<i>Tú Vân</i>
455	NGUYỄN CAO ĐÔNG	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	<i>Đông</i>
456	NGUYỄN THỊ MAI THẢO	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	<i>Phải</i>
457	BÙI THỊ KIM LIÊN	Thôn Đông Dinh	7-1	6.000.000	1	500.000	6.500.000	<i>Liên</i>
458	PHẠM CÔNG THÀNH	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	<i>Thành</i>
459	NGUYỄN MINH QUỐC KHÁNH	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	<i>Khánh</i>
460	TRẦN MINH DẦU	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	2	1.000.000	6.000.000	<i>Dầu</i>
461	LÊ THỊ YẾN	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	<i>Yến</i>
462	NGUYỄN LÊ VŨ	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	<i>Vũ</i>
463	LÝ VĂN SỸ	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	<i>Sỹ</i>
464	ĐẶNG THỊ TUYẾT NHUNG	Thôn Đông Dinh	1	2.000.000	-	-	2.000.000	<i>Nhung</i>
465	TRẦN HỮU DŨNG	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	<i>Dũng</i>
466	PHAN CÔNG TUẤN	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	<i>Tuấn</i>
467	ĐẶNG THỊ MỸ DUNG	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	<i>Dũng</i>
468	NGUYỄN NGỌC DUYỆT	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	-	-	5.000.000	<i>Duyệt</i>
469	LÊ CÔNG TỬ	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	<i>Tử</i>
470	NGUYỄN VŨ LAM	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	<i>Lam</i>
471	NGUYỄN NGỌC TOÀN	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	1	500.000	3.500.000	<i>Toàn</i>
472	THÁI MINH THY	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	<i>Thy</i>
473	TRẦN THỊ MINH HẬU	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	1	500.000	2.500.000	<i>Hậu</i>
474	TRẦN HỮU MINH	Thôn Đông Dinh	6	6.000.000	-	-	6.000.000	<i>Minh</i>
475	NGUYỄN VŨ SƠN	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	<i>Sơn</i>

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
476	NGUYỄN NGỌC KỶ	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	Kỳ
477	PHAN LỢI	Thôn Đông Dinh	9	9.000.000	4	2.000.000	11.000.000	Be
478	BÙI THỊ XUÂN HƯƠNG	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	Hương
479	PHAN ANH TUẤN	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	1	500.000	3.500.000	Tuấn
480	THÁI THỊ THANH THUẬN	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	Thuận
481	LƯU NGỌC HOÀI	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	1	500.000	4.500.000	Hoài
482	LÊ KHẮC TỰ	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	Tự
483	LƯU NGỌC HOÀNG	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	1	500.000	5.500.000	Hoàng
484	NGUYỄN THỊ HIỀN	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	Hiền
485	HUỶNH HỮU HUY	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	Huy
486	HUỶNH VĂN TRƯỞNG	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	Trưởng
487	LƯƠNG THỊ THANH MỸ	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	1	500.000	4.500.000	Mỹ
488	LÊ KHẮC VINH	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	1	500.000	5.500.000	Vinh
489	HUỶNH THANH VŨ	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	Vũ
490	VÕ VĂN LẠC	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	Lạc
491	NGUYỄN THÁI BÌNH	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	2	1.000.000	6.000.000	Bình
492	KIỀU VĂN LỢI	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	1	500.000	3.500.000	Lợi
493	NGUYỄN DUY THÁI BÌNH	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	Bình
494	THÁI MINH TRÍ	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	1	500.000	3.500.000	Trí
495	LÊ HOÀNG NGUYÊN	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	Nguyên
496	VƯƠNG VĂN PHÚ	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	Phú
497	NGUYỄN ĐẶNG HỌC	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	1	500.000	4.500.000	Học
498	TRẦN HUY THÁI	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	1	500.000	4.500.000	Thái
499	HUỶNH HỮU TIẾN	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	1	500.000	4.500.000	Tiến

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
500	NGUYỄN TĂNG TIỆP	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	1	500.000	5.500.000	<i>Tiep</i>
501	NGUYỄN THỊ NGA	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	2	1.000.000	5.000.000	<i>NGA</i>
502	KIỀU THANH NHÀN	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	2	1.000.000	5.000.000	<i>x Thanh</i>
503	THÁI MINH PHỤNG	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	1	500.000	4.500.000	<i>Phung</i>
504	NGUYỄN VĂN TÂM	Thôn Đông Dinh	9	9.000.000	1	500.000	9.500.000	<i>hu loan</i>
505	TRẦN CÔNG KHÁNH	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	2	1.000.000	5.000.000	<i>x Khanh</i>
506	TRẦN TRUNG THÁI LẬP	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	<i>Lập Thái Lập</i>
507	NGUYỄN VĂN SANG	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	<i>Sang</i>
508	NGUYỄN LÝ	Thôn Đông Dinh	4-1	3.500.000	1	500.000	4.000.000	<i>x Lý</i>
509	TRẦN THỊ THANH THU	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	2	1.000.000	5.000.000	<i>Thu</i>
510	TRẦN VĂN PHƯỚC	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	1	500.000	4.500.000	<i>x Phước</i>
511	MAI THỊ XUÂN HOA	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	-	-	5.000.000	<i>x Hoa</i>
512	PHAN TÂN HUY	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	<i>x Huy</i>
513	TRẦN LÝ QUỲNH HOA	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	2	1.000.000	6.000.000	<i>Quỳnh Hoa</i>
514	NGUYỄN THỊ KIM LOAN	Thôn Đông Dinh	8	8.000.000	4	2.000.000	10.000.000	<i>x Loan</i>
515	NGUYỄN CHƯƠNG	Thôn Đông Dinh	4-2	3.000.000	1	500.000	3.500.000	<i>x Chương</i>
516	NGÔ THỊ HƯƠNG	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	<i>x Hương</i>
517	TRẦN VĂN TRƯỜNG	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	1	500.000	3.500.000	<i>Trường</i>
518	NGUYỄN CÔNG TOÀN	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	1	500.000	4.500.000	<i>Toàn</i>
519	TRẦN THỊ KIM LIÊN	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	<i>Liên</i>
520	LÊ THỊ NGỌC HÀ	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	1	500.000	3.500.000	<i>Hà</i>
521	NGUYỄN THỊ NGỌC SEN	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	<i>Sen</i>
522	NGÔ DUY TÚ	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	2	1.000.000	5.000.000	<i>Tú</i>
523	VÕ THANH HIỀN	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	<i>x Hiền</i>

Xổng của Liên

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
524	ĐOÀN VĂN TRUNG	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	<i>Đoàn Văn Trung</i>
525	LÊ KHÁC PHÚ THÁI	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	1	500.000	4.500.000	<i>Lê Khắc Phú Thái</i>
526	NGUYỄN XUÂN QUANG	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	1	500.000	5.500.000	<i>Quang</i>
527	TRẦN VĂN HÙNG	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	1	500.000	3.500.000	<i>Hùng</i>
528	NGUYỄN THỊ MỸ TUYẾT	Thôn Đông Dinh	3-1	2.000.000	-	-	2.000.000	<i>Mỹ Tuyết</i>
529	HUỶNH VĂN ĐỨC	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	<i>Đức</i>
530	NGUYỄN THỊ MINH THU'	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	<i>Thu'</i>
531	TRẦN THỊ BA	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	1	500.000	4.500.000	<i>Ba</i>
532	TRẦN XUÂN TOÀN	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	<i>Toàn</i>
533	LÊ THỊ HẠU	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	2	1.000.000	6.000.000	<i>Hậu</i>
534	NGUYỄN LÊ VINH	Thôn Đông Dinh	3	2.000.000	-	-	2.000.000	<i>Vinh</i>
535	HỨA THỊ TUYẾT	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	-	-	5.000.000	<i>Tuyết</i>
536	LÊ NGỌC BẢO	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	<i>Bảo</i>
537	ĐẶNG THỊ DIỆU TRANG	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	<i>Trang</i>
538	TRẦN ĐÌNH CHƯƠNG	Thôn Đông Dinh	4-1	3.000.000	1	500.000	3.500.000	<i>Chương</i>
539	TRẦN NỮ MINH TRANG	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	<i>Trang</i>
540	TRẦN HỮU NAM	Thôn Đông Dinh	4	3.000.000	-	-	3.000.000	<i>Nam</i>
541	VÕ THANH SƠN	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	1	500.000	4.500.000	<i>Sơn</i>
542	BÙI THANH VŨ	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	1	500.000	4.500.000	<i>Vũ</i>
543	NGUYỄN HOÀNG HÀ	Thôn Đông Dinh	2-1	1.000.000	-	-	1.000.000	<i>Hà</i>
544	LÊ MAI KHINH	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	<i>Khinh</i>
545	NGÔ VĂN LÂM	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	<i>Lâm</i>
546	THÁI THỊ KIM NGOC	Thôn Đông Dinh	3	3.500.000	-	-	3.500.000	<i>Kim Ngọc</i>
547	ĐOÀN THANH HÙNG	Thôn Đông Dinh	7	7.000.000	3	1.500.000	8.500.000	<i>Hùng</i>

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
548	NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	Thôn Đông Dinh	6	6.000.000	4	2.000.000	8.000.000	x
549	VĂN ĐẠI VINH	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	1	500.000	2.500.000	x
550	KIỀU XUÂN TƯỜNG	Thôn Đông Dinh	8	8.000.000	-	-	8.000.000	x
551	LÊ HƯNG	Thôn Đông Dinh	6	6.000.000	1	500.000	6.500.000	x
552	NGUYỄN PHONG SƠN	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	1	500.000	4.500.000	x
553	NGUYỄN ĐĂNG SANH	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	x
554	NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	1	500.000	3.500.000	x Hạnh
555	KIỀU NHẬT DUY	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	2	1.000.000	5.000.000	x
556	HUỶNH THỊ HỒNG	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	2	1.000.000	6.000.000	x
557	TRẦN NGỌC PHƯƠNG	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	1	500.000	4.500.000	x Phương
558	TRẦN THANH HẢO	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	1	500.000	5.500.000	x Hảo
559	NGUYỄN THỊ THANH THÙY	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	x Thủy
560	ĐOÀN THỊ NGỌC DIỆM	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	x
561	NGUYỄN CÔNG TÍN	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	2	1.000.000	5.000.000	x
562	NGUYỄN NỮ MỸ HẠNH	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	x Hạnh
563	NGUYỄN BẢO SƠN	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	x
564	TRẦN ANH TRUNG	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	x
565	THÁI THỊ LAN ĐÀI	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	x
566	TRẦN TRUNG NGHĨA	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	x
567	LÊ VŨ DUY	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	1	500.000	4.500.000	x Duy
568	TRẦN NGỌC ANH	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	1	500.000	2.500.000	x
569	LÊ NHỰT PHI	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	-	-	5.000.000	x
570	NGUYỄN NGỌC TUẤN	Thôn Đông Dinh	4 ^{4.2}	3.000.000	1	500.000	3.500.000	x
571	ĐẶNG TRƯỜNG HUÂN	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	x

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
572	VÕ HỒNG	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	-	-	5.000.000	x <u>florist</u>
573	NGUYỄN THỊ TRIỆU	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	" <u>Triệu</u>
574	NGUYỄN LÊ QUANG THẮNG	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	x <u>Thư</u>
575	TRẦN TRỌNG VŨ	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	" <u>Vũ</u>
576	TRẦN THÁI HƯNG	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	" <u>Hưng</u>
577	NGUYỄN TRUNG VIỆT	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	1	500.000	4.500.000	" <u>Việt</u>
578	TRẦN TRUNG HẢI	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	2	1.000.000	6.000.000	" <u>Hải</u>
579	TRẦN NGỌC QUANG	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	2	1.000.000	5.000.000	" <u>Quang</u>
580	DƯƠNG VĂN MÙI	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	x <u>Mũi</u>
581	NGUYỄN THỊ HỒNG HIÊN	Thôn Đông Dinh	3+1	4.000.000	1	500.000	4.500.000	" <u>Hiên</u>
582	TRẦN THANH TINH	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	" <u>Tinh</u>
583	LÊ MINH TÂM	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	2	1.000.000	5.000.000	x <u>Tâm</u>
584	THÁI THỊ HỒNG MƠ	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	2	1.000.000	6.000.000	" <u>Mơ</u>
585	LÊ THỊ THẨM	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	1	500.000	2.500.000	x <u>Thẩm</u>
586	NGUYỄN TRỌNG HIẾU	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	" <u>Hiếu</u>
587	ĐỖ THỊ THOẢ	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	x <u>Thỏa</u>
588	PHẠM MINH TUẤN	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	" <u>Tuấn</u>
589	NGUYỄN THỊ LAN ĐÀI	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	x <u>Đài</u>
590	LÊ THỊ THU VÂN	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	x <u>Vân</u>
591	THÁI DUY THANH	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	1	500.000	3.500.000	" <u>Thanh</u>
592	NGUYỄN THỊ THÙY NHUNG	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	" <u>Nhung</u>
593	LÊ ANH TUẤN	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	" <u>Tuấn</u>
594	TRẦN MINH GIANG	Thôn Đông Dinh	7	7.000.000	-	-	7.000.000	x <u>Giảng</u>
595	NGUYỄN THÁI HÒA	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	" <u>Hòa</u>

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
596	PHAN TIẾN DŨNG	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	2	1.000.000	5.000.000	
597	TRẦN VĂN THÀNH	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	
598	NGUYỄN MẠNH HÙNG	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	
599	NGUYỄN VĂN VŨ	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	
600	NGUYỄN VĂN HOÀN	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	
601	NGUYỄN THỊ MỸ LINH	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	1	500.000	2.500.000	
602	NGUYỄN THÀNH CÔNG	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	-	-	5.000.000	
603	KIỀU ĐỨC NGHĨA	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	1	5.000.000	4.500.000	
604	NGUYỄN LÊ NAM	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	1	500.000	4.500.000	
605	NGUYỄN THỊ THU SƯƠNG	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	
606	NGÔ VĂN MÙI	Thôn Đông Dinh	7	7.000.000	2	1.000.000	8.000.000	
607	HÒ THỊ VIỆT PHƯƠNG	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	
608	MAI THÀNH THƯƠNG	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	1	500.000	2.500.000	
609	TRẦN THỊ ÁI NHI	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	1	500.000	2.500.000	
610	LÊ XUÂN HÙNG	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	1	500.000	2.500.000	
611	TRẦN LONG AN	Thôn Đông Dinh	6	6.000.000	1	500.000	6.500.000	
612	TRƯƠNG CÔNG LÝ	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	1	500.000	5.500.000	
613	BÙI THANH SƠN	Thôn Đông Dinh	3	1.000.000	-	-	1.000.000	
614	NGUYỄN KIM LINH	Thôn Đông Dinh	2	1.000.000	-	-	1.000.000	
615	LÊ HOÀNG PHÚC	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	1	500.000	3.500.000	
616	LÊ VĂN DUY	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	
617	TRẦN NGỌC TRỌNG	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	2	1.000.000	6.000.000	
618	NGUYỄN THU	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	
619	HUỲNH VĂN HIỆP	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	1	500.000	5.500.000	

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
644	HUỲNH VŨ THANH SON	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	Thuyam
645	KIỀU THÀNH NHÂN	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	x Nhân
646	NGUYỄN VĂN KHÔI	Thôn Đông Dinh	4	4.500.500	-	-	4.500.500	x Khôi
647	NGUYỄN MỘNG HẠ HUYỀN	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	2	1.000.000	5.000.000	x Huyền
648	PHAN NGUYỄN TUẤN ANH	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	1	500.000	5.500.000	x Tuấn
649	PHAN LẠC	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	-	-	5.000.000	x Lạc
650	TRẦN VĂN TÍN	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	x Tín
651	NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	1	500.000	3.500.000	x Hạnh
652	NGUYỄN THỊ NGỌC	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	1	500.000	2.500.000	x Ngọc
653	NGUYỄN THỊ BÍCH LIÊN	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	x Liên
654	ĐÀO THỊ BÉ NGỌC	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	1	500.000	2.500.000	x Ngọc
655	PHŨ THỊ KIM HOÀNG	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	x Hoàng
656	NGUYỄN VĂN SƯƠNG	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	x Sương
657	TRỊNH THỊ THANH THÙY	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	x Thủy
658	LÊ THỊ TUYẾT VÂN	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	x Vân
659	NGUYỄN VŨ HIỆP	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	x Hiệp
660	LÊ THỊ QUÝ	Thôn Đông Dinh	7	7.000.000	2	1.000.000	8.000.000	x Quý
661	TRẦN THỊ ÁI CƯỜNG	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	3	1.500.000	5.500.000	x Cường
662	TRẦN VŨ THÁI	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	x Thái
663	HÀ VŨ TRẦN GIANG	Thôn Đông Dinh	4	4.500.500	1	500.500	4.500.500	x Giang
664	TRẦN THỊ RÉ	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	x Ré
665	ĐỖ THỊ KIM NGỌC	Thôn Đông Dinh	5	5.000.500	2	1.500.500	6.500.500	x Ngọc
666	TRẦN THỊ NGỌC NHUY	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	x Nhụy
667	NGUYỄN VĂN QUÊ	Thôn Đông Dinh	6	6.000.000	1	500.000	6.500.000	x Quê

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
692	LÊ THỊ HỒNG NHUNG	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	1	500.000	3.500.000	x
693	THÁI THỊ KIM OANH	Thôn Đông Dinh	3	2.500.500	-	-	2.500.500	x
694	TRẦN THỊ THU CÚC	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	1	500.000	2.500.000	cúc
695	NGUYỄN THỊ HOA	Thôn Đông Dinh	7	7.000.000	1	500.000	7.500.000	x
696	NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG	Thôn Đông Dinh	2	2.500.000	1	500.000	3.000.000	Hương
697	THÁI NGÔ DUY TRUNG	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	2	1.000.000	6.000.000	x
698	MAI QUÝ	Thôn Đông Dinh	6	5.000.000	1	500.000	5.500.000	x
699	THÁI BÌNH DƯƠNG	Thôn Đông Dinh	4 ⁽⁵⁾	5.000.000	1	500.000	5.500.000	
700	NGUYỄN THỊ TÒN	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	2	1.000.000	5.000.000	x
701	THÁI LÂM QUỲNH	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	x
702	TRƯƠNG QUỐC VIỆT	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	x
703	NGUYỄN HÙNG NHÂN	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	2	1.000.000	5.000.000	x
704	LÊ THỊ LAN	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	lan
705	LÊ THỊ TRÚC VIÊN	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	1	500.000	3.500.000	x
706	NGUYỄN HỒNG	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	x
707	THÁI ĐẶNG THẢO LY	Thôn Đông Dinh	4	4.500.500	1	500.500	5.000.500	x
708	KIỀU ANH TUẤN	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	
709	TRẦN THANH TÂM	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	1	500.000	2.500.000	x
710	TRẦN VĂN ĐẠT	Thôn Đông Dinh	4	3.400.000	1	500.000	4.500.000	x
711	NGUYỄN THỊ NGỌC HẢO	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	x
712	LÊ CÔNG TUẤN	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	x
713	NGUYỄN DUY LÂM	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	2	1.000.000	5.000.000	x
714	NGUYỄN PHẠM HUỲNH LÂN	Thôn Đông Dinh	7	7.000.000	2	1.000.000	8.000.000	
715	NGÔ VĂN THANH	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	x

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
716	TRẦN NGỌC TRÍ	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	2	1.000.000	5.000.000	x Trần
717	PHAN VĂN CHUÔNG	Thôn Đông Dinh	6	6.000.000	1	500.000	6.500.000	x Chuông
718	PHAN TẠI DUY	Thôn Đông Dinh	4<5>	5000.000	1	500.000	5.500.000	Duy
719	NGUYỄN THANH TÙNG	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	1	500.000	4.500.000	Tùng
720	BÙI XUÂN QUANG	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	1	500.000	4.500.000	Quang
721	KIỀU ĐỨC LỘC	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	2	1.000.000	5.000.000	x Phùng
722	PHAN HỒNG VIÊN	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	1	500.000	3.500.000	x Viên
723	HUỲNH THỊ THU HOÀI	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	1	500.000	3.500.000	x Thu Hoài
724	NGUYỄN DUY LÂN	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	1	500.000	3.500.000	x Lân
725	PHAN THỊ THANH	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	1	500.000	4.500.000	Thanh
726	KIỀU XUÂN VIỆT	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	2	1.000.000	6.000.000	Việt
727	TRẦN NHẬT HOÀNG KIM	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	Kim
728	NGUYỄN VŨ HOÀNG	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	x Hoàng
729	NGUYỄN THANH HUY	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	x Huy
730	NGUYỄN LÊ NHƯ NGỌC	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	1	500.000	2.500.000	Ngọc
731	TRẦN VĂN TRUNG	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	1	500.000	4.500.000	x Trung
732	NGUYỄN THANH HẢI	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	1	500.000	4.500.000	x Hải
733	LÊ BẢO	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	1	500.000	4.500.000	x Bảo
734	NGUYỄN THỊ HOÀNG PHƯƠNG	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	1	500.000	3.500.000	x Phương
735	TRẦN THANH NGUYỄN	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	Thanh Nguyễn
736	PHAN TẤN HÙNG	Thôn Đông Dinh	6<7>	7.000.000	-	-	7.000.000	x Tấn Hùng
737	VÕ TIẾP	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	x Tiếp
738	PHẠM THỊ VY HÂN	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	1	500.000	4.500.000	x Hân
739	NGUYỄN THÁ	Thôn Đông Dinh	8	8.000.000	1	500.000	8.500.000	x Thá

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
740	NGÔ THỊ HOÀNG MAI	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	
741	LƯƠNG THỊ PHƯƠNG THẢO	Thôn Đông Dinh	2	2.500.000	-	-	2.500.000	
742	VÕ THỊ MINH TUYẾT	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	
743	DIỆP VI BẢO	Thôn Đông Dinh	1	1.800.000	-	-	1.800.000	
744	NGUYỄN HỮU TRÍ	Thôn Đông Dinh	3	3.500.000	01	500.000	3.500.000	
745	NGUYỄN THỊ THÙY TÂM	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	1	500.000	3.500.000	
746	THÀNH XUÂN ĐỒNG	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	
747	LÊ ĐẶNG THÌN	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	
748	PHẠM THỊ MƯỜI	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	
749	NGUYỄN THỊ THANH VÂN	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	
750	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	1	500.000	4.500.000	
751	NGUYỄN DUY THÁI	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	
752	NGUYỄN THỊ THẮNG	Thôn Đông Dinh	6	6.000.000	1	500.000	6.500.000	
753	ĐỖ THỊ MỸ PHƯƠNG	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	
754	TRẦN ĐÀN	Thôn Đông Dinh	1					
755	NGUYỄN VĂN LÂM	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	
756	ĐẶNG VĂN LỢM	Thôn Đông Dinh	6	6.000.000	-	-	6.000.000	
757	NGUYỄN LÂM THUY	Thôn Đông Dinh	4	4.500.000	-	-	4.500.000	
758	KIỀU QUANG VÕ	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	
759	NGUYỄN VÊ	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000			1.000.000	
760	NGUYỄN XUÂN VIỆT	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	1	500.000	3.500.000	
761	NGUYỄN THỊ TUYẾT NGÂN	Thôn Đông Dinh	2					
762	ĐẶNG THANH SƠN	Thôn Đông Dinh	5	4.000.000	-	-	4.000.000	
763	ĐỖ VĂN CHÀO	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
764	ĐỖ THỊ MAI ANH	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	1	500.000	4.500.000	x Anh
765	THÁI THỊ HỒ NGÂN	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	x Ngân
766	HỒ NGỌC THÀNH	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	x Thành
767	TRẦN XUÂN VINH	Thôn Đông Dinh	7	7.000.000	1	500.000	7.500.000	x Vinh
768	NGUYỄN HOÀI TRUNG	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	1	500.000	4.500.000	x Trung
769	LÊ NHƯ TRƯỜNG	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	x Trường
770	LÊ QUỐC PHONG	Thôn Đông Dinh	4-1	3.880.000	1	500.000	3.500.000	x Phong
771	NGUYỄN TĂNG NGÀ	Thôn Đông Dinh	7	7.000.000	1	500.000	7.500.000	x Ngà
772	NGUYỄN DUY LAM	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	x Lam
773	NGUYỄN VĂN TRÁNH	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	x Tránh
774	TRẦN HAI	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	x Hai
775	NGUYỄN VĂN LỘC	Thôn Đông Dinh	2	2.500.500	-	-	2.500.500	x Lộc
776	NGUYỄN THANH BÌNH	Thôn Đông Dinh	1	1.500.500	-	-	1.500.500	x Bình
777	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	x Cường
778	NGUYỄN VĂN NIÊN	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	1	500.000	4.500.000	x Niên
779	NGUYỄN PHA	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	x Pha
780	NGÔ DUY THẠCH	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	x Thạch
781	HOÀNG VŨ NHẬT TÂN	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	2	1.000.000	5.000.000	x Tân
782	TRẦN THANH	Thôn Đông Dinh	3	3.880.880	-	-	3.880.880	x Thanh
783	HỒ THỊ NHỊ	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	x Nhị
784	LÊ THỊ BÍCH THOA	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	2	1.000.000	4.000.000	x Thoa
785	TRẦN THỊ PHƯƠNG	Thôn Đông Dinh	1	1.880.880	-	-	1.880.880	x Phương
786	NGUYỄN THỊ KIỀU DIỄM	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	x Diễm
787	ĐINH HOÀI DUY	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	2	1.000.000	5.000.000	x Duy

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
788	NGUYỄN THÀNH LIÊM	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	1	4.500.000	4.500.000	x <i>Liêm</i>
789	NGUYỄN NGỌC LONG	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	1	500.000	5.500.000	x <i>Long</i>
790	LÊ THỊ CHIỀU	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	<i>Chiều</i>
791	THẠCH THỊ KIM LIÊN	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	x <i>Liên</i>
792	PHAN THỊ PHỤNG	Thôn Đông Dinh	7	7.000.000	3	1.500.000	8.500.000	<i>Phụng</i>
793	NGUYỄN THỊ DỆP	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	x <i>Dệp</i>
794	KIỀU PHI HÙNG	Thôn Đông Dinh	6-1	5.000.000	1	500.000	5.500.000	x <i>Hùng đi tù</i>
795	BÙI VĂN THÔNG	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	<i>Thông</i>
796	TRẦN ĐIỀU	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	x <i>Điều</i>
797	KIỀU THANH AN	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	<i>An</i>
798	LÊ VĂN MINH	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	1	500.000	3.500.000	<i>Minh</i>
799	HUỲNH TRUNG HUY	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	2	1.000.000	5.000.000	- <i>Huy</i>
800	TRẦN QUỐC HIÊN	Thôn Đông Dinh	4	4.500.000	1	500.000	4.500.000	x <i>Hiên</i>
801	TRẦN BÌNH KHÁNH	Thôn Đông Dinh	4	4.500.000	1	500.000	4.500.000	x <i>Khánh</i>
802	PHẠM THỊ LIÊN	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	x <i>Liên</i>
803	NGUYỄN THỊ SOI	Thôn Đông Dinh	8	8.500.000	3	1.500.000	9.500.000	x <i>Soi</i>
804	NGÔ THỊ BỆT	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	x <i>Bết</i>
805	TÔ VĂN TRUNG	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	<i>Trung</i>
806	VÕ THỊ THÚY NGÂN	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	1	500.000	3.500.000	x <i>Ngân</i>
807	BÙI THANH DŨNG	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	2	1.000.000	5.000.000	x <i>Dũng</i>
808	TRẦN VĂN THANH	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	x <i>Thanh</i>
809	PHẠM THỊ THƯƠNG	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	x <i>Thương</i>
810	TRẦN NGỌC DŨNG	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	x <i>Dũng</i>
811	LÊ NGUYỄN HÙNG	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	1	500.000	4.500.000	x <i>Hùng</i>

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
812	NGUYỄN THIỆN TRUNG	Thôn Đông Dinh	5	5.000.000	2	1.000.000	6.000.000	x
813	VƯƠNG THỊ THU CÚC	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	x
814	PHAN TRẦN ANH TUẤN	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	2	1.000.000	5.000.000	x
815	VÕ THỊ HỒNG LOAN	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	x
816	NGUYỄN THỊ ANH	Thôn Đông Dinh	4	3.000.000	1	500.000	3.500.000	x
817	NGUYỄN MINH TONG	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	x
818	ĐẶNG QUANG HẠNH	Thôn Đông Dinh	3					x
819	LÊ THỊ THU VÂN	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	x
820	TRƯƠNG NGUYỄN ĐÀI	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	x
821	PHẠM DUY	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	x
822	TRƯƠNG THỊ ÁNH NHUNG	Thôn Đông Dinh	4					x
823	NGUYỄN HOÀNG VŨ	Thôn Đông Dinh	5-1	4.000.000	1	500.000	4.500.000	
824	NGUYỄN VĂN TRUNG	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	
825	NGUYỄN THỊ NGHĨA	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	1	500.000	2.500.000	x
826	TRẦN PHÚC THỊNH	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	
827	NGUYỄN THỊ HÂN THỊ	Thôn Đông Dinh	2	2.500.000	1	500.000	3.000.000	
828	LÊ MAI KHANH	Thôn Đông Dinh	1					
829	VÕ TRẦN BÌNH THUẬN	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	2	1.000.000	5.000.000	x
830	TRƯƠNG DANH ĐÀI	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	1	500.000	3.500.000	x
831	NGUYỄN VĂN HÙNG	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	x
832	THÁI MINH HẢI	Thôn Đông Dinh	2	1.000.000	-	-	1.000.000	
833	TRẦN NGỌC VƯƠNG	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	2	1.000.000	5.000.000	x
834	NGUYỄN NHÃN	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	2	1.000.000	5.000.000	x
835	TRẦN THỊ NGỌC LOAN	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
836	TRẦN THỊ MỸ HẠNH	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	
837	NGUYỄN VŨ HUY	Thôn Đông Dinh	1					
838	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	Thôn Đông Dinh	1					
839	NGUYỄN THÀNH	Thôn Đông Dinh	3					
840	NGUYỄN GIÚP	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	
841	PHẠM THỊ MỸ TUYÊN	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	
842	NGUYỄN KHOA	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	
843	NGUYỄN NGỌC HÙNG	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	
844	NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH	Thôn Đông Dinh	4	4.500.000	-	-	4.500.000	
845	ĐINH VĂN SÁU	Thôn Đông Dinh	4	4.000.000	-	-	4.000.000	
846	NGUYỄN THỊ LÊ	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	
847	HUỶNH THỊ ÁNH	Thôn Đông Dinh	5	4.500.000	-	-	4.500.000	
848	NGUYỄN THỊ NÉT	Thôn Đông Dinh	2	2.500.000	-	-	2.500.000	
849	NGUYỄN THỊ MINH THU	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	
850	LÊ THỊ KIỀU TRINH	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	
851	NGUYỄN SANH	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	
852	ĐẶNG THỊ HOÀNG PHÚC	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	
853	ĐỖ THỊ XUÂN	Thôn Đông Dinh	2	2.000.000	-	-	2.000.000	
854	NGUYỄN VĂN HÙNG	Thôn Đông Dinh	1	/				
855	TRẦN THANH VINH	Thôn Đông Dinh	2					
856	ĐINH THỊ THIẾT	Thôn Đông Dinh	1					
857	TRƯƠNG MINH HẢI	Thôn Đông Dinh	1					
858	PHAN THỊ DUNG	Thôn Đông Dinh	3	3.000.000	-	-	3.000.000	
859	NGUYỄN HOÀI HẬU	Thôn Đông Dinh	1	1.000.000	-	-	1.000.000	

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
	TỔNG CỘNG		2.938	2.938.000.000	453	226.500.000	3.163.500.000	

Số tiền (bằng chữ): Ba tỷ, một trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm năm mươi đồng.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

TRƯỞNG THÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)

phan Thi Thanh
phan Thi Thanh

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)



Nguyễn Tấn Cường
Nguyễn Tấn Cường



DANH SÁCH CHI TRẢ HỖ TRỢ KHÁC PHỤC HẬU QUẢ MƯA LŨ (TẠM TRÚ)

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
1	Vũ Thị Hằng	Đông Dinh	1	1.000.000			1.000.000	Hằng
2	Phùng Văn Mạnh	Đông Dinh	1	1.000.000			1.000.000	Mạnh
3	Ngô Thị Hồng Cảnh	Đông Dinh	1	1.000.000			1.000.000	Cảnh
4	Nguyễn Xuân Thủy	Đông Dinh	6	6.000.000	1	500.000	6.500.000	Thủy
5	Trần Văn Hải	Đông Dinh	2	2.000.000			2.000.000	Hải
6	Đặng Quang Phúc	Đông Dinh	6	6.000.000			6.000.000	Phúc
7	Nguyễn Thị Lê	Đông Dinh	1	1.000.000			1.000.000	Lê
8	Lê Ngọc Đại	Đông Dinh	1	1.000.000			1.000.000	Đại
9	Lê Thị Thủy Dung	Đông Dinh	3	3.000.000	1	500.000	3.500.000	Dung
10	Hương Mạnh Hưng	Đông Dinh	1	1.000.000			1.000.000	Hưng
11	Trần Anh Tường	Đông Dinh	1	1.000.000			1.000.000	Tường
12	Trần Thị Viên	Đông Dinh	1	1.000.000			1.000.000	Viên

DANH SÁCH HỌC SINH NHẬN TIỀN HỖ TRỢ
CỦA UBND XÃ DIÊN KHÁNH THÔN ĐÔNG ĐỊNH

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Địa chỉ thường trú	Họ tên chủ hộ	Họ tên cha hoặc mẹ	Lớp	Trường	Số tiền(đồng)	Đại diện ký nhận
1.	Lê Phan Tấn Nhi	19/12/2017	0563170086921	Đông Định	Phan Tấn Hưng	Phan Thị Kim Chi	3A	Tiểu học DT	500.000	<u>P Chi</u>
2.	Nguyễn Khánh Huyền Trân	23/10/2010	056310005656	Đông Định	Nguyễn Tăng Tiếp	Nguyễn Thị Thuý Trang	10A1	Trung cấp nghề	500.000	Trang
3.	Nguyễn Thị Ngọc Hân	20/06/2008	056308011048	Đông Định	Nguyễn Tăng Đức	Nguyễn Thị Ngọc Sang	12C6	Trung cấp nghề	500.000	Nhan
4.	Đỗ Bảo Nham	13/10/2010	056210002180	Đông Định	Trần Văn Phước	Trần Văn Phước	10A1	Trung cấp nghề	500.000	phước
5.	Đặng Xuân Hưng	01/06/2009	056209002018	Đông Định	Đặng Thị Hoàng Phước	Đặng Thị Hoàng Phước	11B3	Trường Văn Thơ	500.000	Phước
6.	Nguyễn Đăng Châu	01/11/2015	056215006618	Đông Định	Nguyễn Duy Quốc	Nguyễn Duy Quốc	5B	Trường THPT/Đ	500.000	Quốc
7.	Nguyễn Vũ Ý Nhi	26/10/2017	056317007068	Đông Định	Nguyễn Duy Quốc	Nguyễn Duy Quốc	5B	Trường THPT/Đ	500.000	Quốc
8.	Thái Ngọc Như Ý	22/5/2010	056310008157	Đông Định	Thái Minh Phụng	Thái Minh Phụng	10A3	Vô Nguyễn Giáp	500.000	Phụng
9.	Trương Quốc Tài	19/10/2010	056210003046	Đông Định	Trương Công Lý	Trương Công Lý	10A	Vô Nguyễn Giáp	500.000	Ly
10.	Đặng Nguyễn Phúc	10/04/2011	056211004587	Đông Định	Lê Thị Ngọc Huyền	Lê Thị Ngọc Huyền	9/5	Trần Nhân Tông	500.000	Phúc
11.	Nguyễn Văn Khánh	04/11/2010	056210007932	Đông Định	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Nguyễn Văn Thành	10A5	Vô Nguyễn Giáp	500.000	Thành
12.	Nguyễn Ngọc Tuyết Nhi	30/11/2014	056314004975	Đông Định	Đặng Văn桂	Nguyễn Quốc Tiến	6/1	phần Chu Tử	500.000	Nhi
13.	Trương Vy Bảo Đan	06/07/2012	056312000621	Đông Định	Nguyễn Thị Soria	Trương Thị Hồng Loan	8/1	Kiên Nhân Tông	500.000	Loan
14.	Đoàn Bùi Ngọc Nga	15/03/2010	056310003169	Đông Định	Bùi Thị Mai	Bùi Thị Mai	10A3	Trường Hoa Thái	500.000	Nga
15.	Thái Gia Quy	13/10/2019	056219007700	Đông Định	Thái Văn Năm	Nguyễn Lê Bảo Trân	1C	Tiểu học Đôn Th	500.000	Trân
16.	Huyền Nhật Hồng	06/12/2017	056317007999	Đông Định	Huyền Văn Hiệp	Huyền Trung Hưng	3A	Tiểu học Đôn Th	500.000	Hưng
17.	Trần Thu Ngân	30/03/2015		Đông Định	Trần Hữu Minh	Trần Hữu Minh	5B	Điền Tôán	500.000	Minh
18.	Bùi Diệp Thuý Nhi	15/8/2009	056309002967	Đông Định	Bùi Xuân Quang	Nguyễn Thị Thuý Thủy	11B2	Trung cấp nghề	500.000	Thủy

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
125								
126								
127								
128								
129								
130								
131								
TỔNG CỘNG			038	38.000.000	31	15.500.000	53.500.000	

Số tiền (bằng chữ): Năm mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

TRƯỞNG THÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)

phan thi thanh
phan Thi Thanh

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)



Nguyễn Tấn Cường
Nguyễn Tấn Cường

